**TẬP ĐOÀN CN CAO SU VN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**CÔNG TY CP GỖ MDF Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**VRG QUẢNG TRỊ**

*Quảng Trị, ngày tháng 6 năm 2025*

**BÁO CÁO CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT**

**NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2025**

Kính gửi: ĐHĐCĐ Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng Trị

*Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị;*

*Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị;*

*Căn cứ Kế hoạch kiểm tra, giám sát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;*

*Căn cứ Văn bản số 248/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 29/3/2024 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc thỏa thuận kế hoạch năm 2024 của Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị,*

Ban kiểm soát Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng Trị xin báo cáo công tác kiểm tra, giám sát năm 2024 và kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2025 như sau:

Kết quả kiểm tra, giám sát:

**1. Kết quả sản xuất kinh doanh:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch năm 2024** | **Thực hiện năm 2024** | **Tỷlệ (%)** |
| 1 | Sản lượng sản xuất (m3)  *- Sản phẩm đạt (m3)*  *- Sản phẩm hỏng (m3)* | 240.239,00  *240.000,00*  *239,00* | 202.647,76  *202,395,37*  *252,39* | 84,35  *84,33*  *105,60* |
| 2 | Sản lượng tiêu thụ (m3)  *- Xuất khẩu (m3)*  *- Nội địa (m3)* | 240.000,00  *52.466,00*  *187.534,00* | 217.055,77  *42.974,59*  *174.081,18* | 90,44  *81,91*  *92,83* |
| 3 | D.thu và thu nhập (thuần)  *- D. thu SXKD xuất khẩu*  *- D. thu SXKD nội địa*  *- Doanh thu tài chính*  *- Thu nhập khác* | 1.312.460.344.979  *285.862.876.929*  *1.026.597.468.050* | 1.036.691.058.841  *219.869.085.311*  *805.564.441.071*  *5.641.709.688*  *5.615.822.771* | 78,99  *76,91*  *78,47* |
| 4 | Tổng chi phí  *- Giá vốn hàng bán*  *- Chi phí quản lý DN*  *- Chi phí bán hàng*  *- Chi phí hoạt động TC*  *- Chi phí khác* | 1.277.061.880.627  *1.123.845.835.820*  *16.027.370.449*  *113.011.927.022*  *24.176.747.336* | 1.032.193.138.058  *922.624.932.108*  *15.806.997.302*  *66.457.117.265*  *26.939.740.101*  *364.351.282* | 80,83  *82,10*  *98,63*  *58,81*  *111,43* |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 35.398.464.352 | 3.390.222.099 | 9,58 |
| 6 | Nộp ngân sách (phải nộp) | 70.928.000.000 | 43.543.707.372 | 61,39 |
| 7 | Lao động b/quân (người) | 410 | 400 | 97,56 |
| 8 | Quỹ lương, *trong đó:*   * *Người lao động* * *NQL chuyên trách* * *Thù lao* | 37.959.840.000  *36.024.240.000*  *1.749.000.000*  *186.600.000* | 39.204.859.000  *37.724.228.000*  *1.315.631.000*  *165.000.000* | 103,28  *104,72*  *75,22*  *88,42* |
| 9 | Tiền lương BQ (đ/ng/th) | 7.322.000 | 7.999.200 | 109,2 |

***Những yếu tố ảnh hưởng:***

- Giá nguyên liệu gỗ thu mua bình quân năm 2024: 942.214 đồng/tấn, giảm 39.698 đồng/tấn so với năm 2023 (981.912 đồng/tấn);

- Nguyên liệu gỗ tiêu hao năm 2024: 1,88 tấn/m3, tăng 0,13 tấn/m3 so với mức tiêu hao năm 2023 (1,75 tấn/m3).

- Keo tiêu hao năm 2024: 116,64 kg/m3 tăng 8,58 kg/m3 so với năm 2023: 108,06 kg/m3;

- Giá thành sản xuất bình quân năm 2024: 4.270.582 đồng/m3, giảm: 73.982 đồng/m3 so với năm 2023: 4.344.564 đồng/m3;

- Giá bán bình quân năm 2024:

+ Sản phẩm bán tại kho nhà máy (không bao gồm cước vận chuyển): 84.195,05 m3, doanh thu 372.262.158.008 đồng, tương đương 4.421.426 đồng/m3, tăng 284.906 đồng/m3 so với giá bán bình quân năm 2023 (4.136.520 đồng);

+ Sản phẩm bán tại kho khách hàng (bao gồm cước vận chuyển): 133.022,54 m3, doanh thu 653.084.285.041 đồng, tương đương 4.909.576 đồng/m3 tăng 230.861 đồng/m3 so với giá bán bình quân năm 2023 (4.678.715 đồng). Trong đó, sản phẩm xuất khẩu 42.974,59 m3, doanh thu 219.869.085.311 đồng, tương đương 5.116.258 đồng/m3.

Tổng doanh thu năm 2024 chỉ đạt 78,99% kế hoạch năm 2024, trong khi tổng chi phí năm 2024 là 80,83% so với KH. Trong đó các chỉ tiêu giá vốn hàng bán, chi phí QLDN và chi phí tài chính từ 82,10% - 111,43% kế hoạch năm 2024.

Qua số liệu trên cho thấy giá thành sản xuất bình quân năm 2024 có giảm so với năm 2023 (73.892 đồng/m3). Tuy nhiên, các chỉ tiêu như: Giá vốn hàng bán (82,10% kế hoạch), chi phí QLDN (98,63% kế hoạch) và chi phí tài chính (111,43% kế hoạch) có tỷ lệ tăng cao hơn so với chỉ tiêu doanh thu (78,99% kế hoạch) phần nào làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty.

***Công tác tiền lương:***

Ngày 15/7/2024 Tập đoàn ban hành văn bản số 2171/CSVN-LĐTL về việc Thỏa thuận kế hoạch tiền lương năm 2024 của Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị. Trong năm 2024, Công ty hạch toán quỹ lương của người lao động 37.724.228.000 đồng và quỹ lương người quản lý (chuyên trách) 1.315.631.000 đồng và thù lao (TV HĐQT + Ban kiểm soát kiêm nhiệm) 165.000.000 đồng, số tiền đã thực hiện chi trả trong năm 2024 là: 35.059.988.776 đồng, còn lại 3.979.870.224 đồng.

Ban Kiểm soát ghi nhận việc hạch toán và chi trả quỹ lương theo số liệu báo cáo của Ban điều hành Công ty. Để đảm bảo đúng quy định, Kính đề nghị Hội đồng quản trị báo cáo và xin biểu quyết thông qua trước đại hội đồng cổ đông năm 2025 về việc chi trả tiền lương, thù lao năm 2024 theo đúng quy định; Ban điều hành tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các nội dung thông tin, số liệu theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐTB&XH.

Đối với khoản tiền lương chi vượt của người quản lý năm 2022 và 2023, đề nghị Ban điều hành thu hồi ngay hoặc khấu trừ dần vào tiền lương hàng tháng.

2. Tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2024:

Trên cơ sở Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam. Ban kiểm soát Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị xin báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024*

*ĐVT: đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Tại thời điểm 31/12/2024** | **Tại thời điểm 01/01/2024** |
| **Tài sản** | | | |
| **A** | **Tài sản ngắn hạn** | **319.735.313.259** | **459.725.325.985** |
| I | Tiền và tương đương tiền | 38.328.640.508 | 16.016.340.272 |
| *1* | *Tiền* | *38.328.640.508* | *15.116.340.272* |
| *2* | *Các khoản tương đương tiền* | *0* | *900.000.000* |
| II | Đầu tư tài chính ngắn hạn | 10.000.000.000 | 0 |
| III | Phải thu ngắn hạn | 106.917.446.884 | 160.235.508.468 |
| *1* | *Phải thu ngắn hạn khách hàng* | *82.068.955.032* | *126.029.713.738* |
| *2* | *Trả trước cho người bán* | *8.608.180.628* | *16.510.299.279* |
| *3* | *Phải thu ngắn hạn khác* | *1.524.485.662* | *2.468.510.066* |
| *4* | *Dự phòng phải thu NH khó đòi* | *(1.919.105.132)* | *(1.407.945.309)* |
| *5* | *Tài sản thiếu chờ xử lý* | *16.634.930.694* | *16.634.930.694* |
| IV | Hàng tồn kho | 156.680.388.830 | 269.560.927.432 |
| *1* | *Hàng tồn kho* | *159.646.407.717* | *270.550.569.943* |
| *2* | *Dự phòng giảm giá hàng TK* | *(2.966.018.887)* | *(989.642.511)* |
| V | Tài sản ngắn hạn khác | 7.808.837.037 | 13.912.549.813 |
| *1* | *Chi phí trả trước ngắn hạn* | *7.808.837.037* | *13.821.463.882* |
| *2* | *Thuế và các khoản phải thu NN* | *0* | *91.085.931* |
| **B** | **Tài sản dài hạn** | **715.628.767.471** | **761.857.801.888** |
| I | Tài sản cố định | 670.599.928.448 | 717.314.385.654 |
| *1* | *Tài sản cố định hữu hình* | *670.245.646.782* | *716.882.326.010* |
|  | *Nguyên giá* | *1.795.531.768.223* | *1.786.137.956.856* |
|  | *Giá trị hao mòn lũy kế* | *(1.125.286.121.441)* | *(1.069.255.630.846)* |
| *2* | *Tài sản cố định vô hình* | *354.281.666* | *432.059.644* |
|  | *Nguyên giá* | *4.296.355.380* | *4.296.355.380* |
|  | *Giá trị hao mòn lũy kế* | *(3.942.073.714)* | *(3.864.295.736)* |
| II | Tài sản dở dang dài hạn | 426.439.936 | 332.492.424 |
| *1* | *Chi phí XDCB dở dang* | *426.439.936* | *332.492.424* |
| III | Đầu tư tài chính dài hạn | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| *1* | *Đầu tư góp vốn vào ĐV khác* | *3.000.000.000* | *3.000.000.000* |
| IV | Tài sản dài hạn khác | 41.602.399.087 | 41.210.923.810 |
| *1* | *Chi phí trả trước dài hạn* | *12.775.596.312* | *12.516.669.103* |
| *2* | *TB, VT, phụ tùng TT dài hạn* | *28.826.802.775* | *28.694.254.707* |
|  | **Tổng tài sản** | **1.035.364.080.730** | **1.221.583.127.873** |
| **Nguồn vốn** | | | |
| **A** | **Nợ phải trả** | **390.346.950.861** | **579.956.220.103** |
| I | Nợ ngắn hạn | **390.346.950.861** | 579.956.220.103 |
| *1* | *Phải trả người bán ngắn hạn* | *43.395.909.702* | *105.516.731.268* |
| *2* | *Người mua trả tiền trước N/hạn* | *2.961.896.631* | *60.480.000* |
| *3* | *Thuế và các khoản phải nộp NN* | *3.557.931.794* | *1.655.084.212* |
| *4* | *Phải trả người lao động* | *3.979.870.224* | *2.710.150.481* |
| *5* | *Chi phí phải trả ngắn hạn* | *6.322.418.993* | *4.059.805.084* |
| *6* | *Phải trả ngắn hạn khác* | *18.648.290.095* | *15.470.034.899* |
| *7* | *Vay và nợ thuê tài chính NH* | *311.139.422.973* | *448.020.678.020* |
| *8* | *Quỹ khen thưởng, phúc lợi* | *341.210.449* | *2.463.256.139* |
| II | Nợ dài hạn | 0 | 0 |
| **B** | **Vốn chủ sở hữu** | **645.017.129.869** | **641.626.907.770** |
| I | Vốn chủ sở hữu | 645.017.129.869 | 641.626.907.770 |
| *1* | *Vốn góp của chủ sở hữu* | *551.135.950.000* | *551.135.950.000* |
| *2* | *Thặng dư vốn cổ phần* | *11.999.994.000* | *11.999.994.000* |
| *3* | *Quỹ đầu tư phát triển* | *100.837.039.040* | *100.837.039.040* |
| *4* | *Lợi nhuận sau thuế chưa PP* | *(18.955.853.171)* | *(22.346.075.270)* |
|  | *-Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước* | *(22.346.075.270)* | *2.877.681.013* |
|  | *-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này* | *3.390.222.099* | *(25.223.756.283)* |
|  | **Tổng nguồn vốn** | **1.035.364.080.730** | **1.221.583.127.873** |

**Nhận xét chung về tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2024:**

2.1. Về công tác lập và trình bày báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.2. Về công nợ: Tình hình đối chiếu công nợ phải thu khách hàng đến thời điểm 31/12/2024 theo báo cáo của Công ty:

- Phải thu ngắn hạn của khách hàng: 82.068.955.032 đồng, giảm: 43.959.758.706 đồng so với thời điểm 31/12/2023: 106.103.028.800 đồng, trong đó đã đối chiếu: 81.304.912.126 đồng, đạt tỷ lệ 99,07%;

Các đơn vị không có đối chiếu công nợ bao gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên khách hàng** | **Số tiền** | **Nguyên nhân** |
| 1 | Công ty TNHH MTV Viresin | 117.664.224 | Đã gửi đối chiếu nhưng KH không phản hồi |
| 2 | Doanh nghiệp TN phú quang | 94.661.763 | Đã gửi đối chiếu nhưng KH không phản hồi |
| 3 | Đoàn Thị Bé | 5.678.630 | Đã gửi đối chiếu nhưng KH không phản hồi |
| 4 | Công ty cổ phần SXTM vạn Thịnh Phát | 222.540.999 | Đã gửi đối chiếu nhưng KH không phản hồi |
| 5 | Công ty CP gỗ nano Quảng trị | 14.000.000 | Không liên lạc được với KH do địa chỉ củ đã thay đổi |
| 6 | Công ty TNHH Hoàng Bình | 141.716.191 | Đã gửi đối chiếu nhưng KH không phản hồi |
| 7 | Công ty đầu tư TM&CG công nghệ ETC | 34.257.099 | Đã gửi đối chiếu nhưng KH không phản hồi |
| 8 | Công ty TNHH Yên lâm | 133.524.000 | KH không xác nhận công nợ với lý do hàng bị lỗi |
|  | **Tổng cộng** | **764.042.906** |  |

Đối với các khách hàng đã gửi đối chiếu công nợ nhưng khách hàng không phản hồi hoặc không có địa chỉ để gửi đối chiếu công nợ do khách hàng đã chuyển địa điểm khác, đề nghị Ban điều hành Công ty cử cán bộ đi xác minh cụ thể báo cáo Hội đồng quản trị xin phương án giải quyết.

Đối với các khách hàng không đồng ý xác nhận công nợ do hàng bị lỗi hoặc không đạt, đề nghị Ban điều hành thành lập hội đồng để xác định nguyên nhân và xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân theo quy định.

Đề nghị Ban điều hành tiếp tục chỉ đạo Tổ xử lý và thu hồi công nợ dùng các biện pháp mạnh hơn hoặc nhờ sự can thiệp của Tòa án để thu hồi nhanh công nợ, tránh gây thiệt hại cho Công ty.

- Nợ vay ngắn hạn đến thời điểm 31/12/2024 là: 311,14 tỷ đồng giảm nhiều so với đầu năm 2024: 136,88 tỷ đồng (đầu năm 2024: 448,02 tỷ đồng).

2.3. Về hàng tồn kho: Ban kiểm soát không tham gia kiểm kê tài sản, vật tư, hàng hóa, thiết bị, công cụ dụng cụ tại thời điểm 0h ngày 01/01/2025 nên không có ý kiến về kết quả kiểm kê tại thời điểm 01/01/2025. Theo báo cáo của Ban điều hành Công ty:

Hàng tồn kho đến thời điểm 31/12/2024 là : 159.646.407.717 đồng

Trong đó:

- Nguyên vật liệu : 37.081.414.064 đồng

- Công cụ, dụng cụ : 59.298.447.966 đồng

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang : 4.086.619.143 đồng

- Thành phẩm : 59.179.926.544 đồng

So với đầu năm 2024 thì thành phẩm tồn kho giảm 82.952 triệu đồng.

Như vậy, nhờ thành phầm tồn kho giảm, phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm nên nợ vay ngắn hạn ngân hàng giảm đáng kể.

2.4. Về lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế: 3.390.222.099 đồng. Trong đó:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: (1.861.249.390 đồng)

- Lợi nhuận khác: 5.251.471.489 đồng

2.5. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính trên bảng cân đối kế toán

2.5.1. Khả năng thanh toán:

- Khả năng thanh toán tổng quát (Ktq) = Tổng Tài sản/Nợ phải trả = 2,65: Phản ánh khả năng thanh toán tổng quát của Công ty là rất tốt. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng vốn thấp.

- Khả năng thanh toán ngắn hạn (Knh) = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn = 0,81: Chỉ tiêu này dùng để đánh giá khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 1 năm bằng các tài sản ngắn hạn có khả năng chuyển hóa thành tiền trong vòng 1 năm. Chỉ tiêu này lớn hơn 1 là an toàn. Nhưng Công ty chỉ đạt 0,81 lần. Ban điều hành Công ty cần tăng cường kiểm soát khả năng thanh toán ngắn hạn để tránh tình trạng mất khả năng chi trả các khoản nợ ngắn hạn.

- Khả năng thanh toán nhanh (Knh) = (Tiền và các khoản tương đương tiền+Đầu tư tài chính ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn = 0,12: chỉ tiêu này trên 0,5 lần là an toàn. Nhưng Công ty chỉ đạt 0,12 là quá thấp. Như vậy, Công ty đang gặp khó khăn trong việc chi trả, tính thanh khoản rất thấp.

- Khả năng thanh toán dài hạn (Kdn) = Tài sản dài hạn/Nợ dài hạn: Hiện nay nợ dài hạn của Công ty là bằng 0 nên Chỉ tiêu này của Công ty rất an toàn.

2.5.2. Cơ cấu vốn, tính ổn định và khả năng trả nợ:

- Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu (Ncsh) = Nợ phải trả/vốn CSH = 0,60 < 1 có nghĩa là tỷ lệ nợ thấp hơn phần vốn chủ sở hữu. Công ty đang quản lý rủi ro từ những khoản nợ khá tốt.

- Hệ số nợ so với tài sản (Ntls) = Nợ phải trả/Tổng TS = 0,37. Chỉ tiêu này an toàn vì phần lớn tài sản của Công ty được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu.

Căn cứ các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán đến thời điểm 31/12/2024 và qua phân tích các chỉ số tài chính chủ yếu cho thấy tình hình tài chính của Công ty năm 2024 so với năm 2023 đã được cải thiện rỏ rệt, thể hiện bởi các chỉ số tài chính đang tốt hơn. Tuy nhiên, hiệu quả sử dụng vốn vẫn rất thấp.

Các chỉ tiêu như: TP tồn kho, Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn,… mặc dù thấp hơn nhiều so với năm 2023 nhưng vẫn còn khá cao làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Công ty. Tuy nhiên, xét về tổng thể dựa trên cơ cấu tài sản và nguồn vốn thì Công ty vẫn đang ở mức khá an toàn.

**3. Về công tác đầu tư XDCB, mua sắm thường xuyên và trả nợ vay:**

3.1. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Kế hoạch năm 2024** | **Thực hiện năm 2024** | **Tỷ lệ (%)** |
| **A** | **Khối lượng đầu tư** | **44.206.000.000** | **11.652.880.951** | **26,36** |
| 1 | Xây lắp, kiến thiết cơ bản | 22.643.000.000 | 274.927.778 | 1,21 |
| 2 | Thiết bị | 21.563.000.000 | 11.377.953.173 | 52,77 |
| **B** | **Trả nợ vay dài hạn** | **31.609.000.000** | **31.608.646.473** | **100,00** |
| **Tổng cộng** | | **75.815.000.000** | **43.261.527.424** | **57,06** |

Trong năm 2024, Công ty có thực hiện hạng mục “Sửa chữa băng tải thép NM2” đã ghi nhận tăng tài sản cố định với giá trị: 11.377.953.173 đồng. Băng tải thép này được công ty mua về nhập kho thiết bị dự phòng từ năm 2019 bằng nguồn vốn của năm 2019. Đầu năm 2024 do băng tải thép Nhà máy 2 bị hư hỏng không sửa chữa được nên Công ty xuất kho Băng tải thép dự phòng được mua từ năm 2019 thay thế và ghi tăng tài sản cố định.

Theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013: *“(1). Các chi phí doanh nghiệp chi ra để đầu tư nâng cấp tài sản cố định được phản ánh tăng nguyên giá của TSCĐ đó, không được hạch toán các chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. (2). Các chi phí sửa chữa tài sản cố định không được tính tăng nguyên giá TSCĐ mà được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ, nhưng tối đa không quá 3 năm”.* Đề nghị Công ty rà soát, bổ sung, điều chỉnh đảm bảo đúng quy định.

Đối với công trình “Cải tạo, bổ sung hệ thống PCCC - dây chuyền MDF1” theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 198/2023/HĐXD/MDF1 ngày 06/9/2023 đã gia hạn nhiều lần về thời gian thực hiện hợp đồng do mặt bằng thi công không đảm bảo (hàng tồn kho nhiều chưa giải phóng được).

3.2. Về mua sắm thường xuyên:

Năm 2024 một số hạng mục mua sắm không có trong kế hoạch mua sắm đã được HĐQT phê duyệt (7 hạng mục) như: Bạc Nitrat AgNO3, Formalin 37%, Bê tông chịu nhiệt, chân Palet xuất khẩu, chất đông cứng NH4CL, NaCL, hóa chất xử lý nồi hơi và các nguyên vật liệu phát sinh, chi phí chứng chỉ SGS, chi phí gia hạn chữ ký số HSM. Đến thời điểm kiểm tra các hạng mục mua sắm nói trên đã được Hội đồng quản trị phê duyệt bổ sung.

Năm 2023 Công ty có ký Hợp đồng mua bán số 300/MDFQT-2023 ngày 21/11/2023 với Công ty cổ phần Vinafarm Việt Nam mua 1.200.000 kg phân đạm ure Ninh bình tương đương 12.456.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện, do Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng trị không thực hiện theo đúng cam kết về thời hạn thanh toán đã ghi trong hợp đồng nên ngày 28/6/2024 Công ty cổ phần Vinafarm Việt Nam đã gửi đơn kiện đến Tòa án nhân dân Huyện Gio Linh yêu cầu Tào án buộc Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng trị trả số tiền 704.563.925 đồng. (Bao gồm: Số tiền phạt vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng mua bán số 300/MDFQT-2023 là: 693.564.000 đồng và số tiền lãi chậm thanh toán đối với tiền phạt từ ngày 19/4/2024 đến ngày 19/6/2024 là: 10.999.925 đồng. Đến nay, sau nhiều lần hoãn xét xử vì nhiều lý do khác nhau, đến nay vụ án trên vẫn chưa được Tòa án nhân dân Huyện Gio Linh đưa ra xét xử.

Để đảm bảo quyền lợi của Công ty, đề nghị Ban điều hành tiếp tục làm việc với các đơn vị tư vấn về luật để nhờ tư vấn và tham gia tranh tụng tại tòa.

**4. Một số nội dung khác:**

**- *Tình hình công nợ:***

+ Nợ phải thu: Các khoản phải thu ngắn hạn 106,917 tỷ đồng. Trong đó, Phải thu khách hàng đến 31/12/2024 là: 82,069 tỷ đồng, bao gồm:

*Nợ phải thu KH trong hạn: 68,682 tỷ đồng;*

*Nợ phải thu KH quá hạn thanh toán: 13,387 tỷ đồng.*

Trong đó có một số khách hàng nợ trên 1 năm. Bao gồm:

+ Công ty TNHH MTV thương mại Viresin : 117.664.224 đồng;

+ Công ty CP đầu tư SX & TM quốc tế Việt Đức : 259.896.000 đồng;

+ Doanh nghiệp tư nhân Phú Quang : 94.661.763 đồng;

+ Công ty Cổ Phần Thương Mại Lâm Triều : 233.483.537 đồng;

+ Đoàn Thị Bé : 5.678.630 đồng;

+ Công ty CP SXTM Vạn Thịnh Phát : 222.540.999 đồng;

+ Công ty CP gỗ Nano Quảng trị : 14.000.000 đồng;

+ Công ty TNHH Hoàng Bình : 141.716.191 đồng;

+ Công ty CP sản xuất TM&CG công nghệ ETC : 34.257.099 đồng;

+ Công ty TNHH Yên Lâm : 133.524.000 đồng;

+ Công ty TNHH TMDV Trần Hồng Phúc : 970.000.000 đồng;

**Tổng cộng : 2.227.422.443 đồng.**

Ngoài ra, còn có khoản công nợ của Công ty TNHH Silversea new material Việt Nam với số tiền: 1.839.140.640 đồng đã quá hạn thanh toán nhưng khách hàng chưa thanh toán. Hiện nay, Tổng giám đốc công ty đang giao cho Ban pháp chế chủ trì làm các thủ tục cần thiết để kiện ra tòa án.

Nợ phải thu khách hàng quá hạn chiếm 16,31% tổng nợ phải thu của khách hàng, điều này dẫn đến tình trạng làm phát sinh rủi ro đối với những khoản nợ quá hạn khó thu hồi, có khả năng mất vốn, khả năng thanh toán gặp nhiều khó khăn. (Đến 31/12/2024 Công ty mới chỉ trích lập dự phòng nợ phải thu 1,919 tỷ đồng).

+ Nợ phải trả: Nợ phải trả đến 31/12/2024 là: 390,347 tỷ đồng. Trong đó, phải trả người bán đến 31/12/2024 là: 43,396 tỷ đồng; Vay và nợ thuê tài chính đến 31/12/2024 là 311,139 tỷ đồng (chỉ còn vay ngắn hạn).

*- Hàng tồn kho:* Hàng tồn kho luôn duy trì ở mức cao, đến 31/12/2024 giá trị: 159,65 tỷ đồng, trong đó: Nguyên vật liệu 37,08 tỷ đồng, công cụ dụng cụ 59,30 tỷ đồng, thành phẩm tồn kho 59,18 tỷ đồng), tác động đến vòng quay vốn lưu động (luân chuyển chậm), ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị. Tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thiếu qua kiểm kê (tài sản thiếu chưa xử lý): 16,635 tỷ đồng.

*- Các Hợp đồng liên doanh liên kết trồng rừng:*

+ Hợp đồng liên doanh liên kết với Doanh nghiệp tư nhân kinh tế trang trại Thanh Bình tại Hướng Hóa. Tổng số tiền đã đầu tư: 375.564.248 đồng. Trong đó: Công ty đã chuyển tạm ứng cho đơn vị liên doanh: 402.000.000 đồng; Chi phí khảo sát, kiểm tra: 13.564.248 đồng; Tổng cộng: 415.564.248 đồng; Đã thu hồi số tiền: 40.000.000 đồng

+ Hợp đồng số 38/HĐGV-2008 ngày 4/6/2008 giữa Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng trị và vợ chồng ông Lê Thanh Anh và Bà Đào Thị Thỉ tại Thôn Ba Lòng, xã ba tầng, Huyện Hướng Hóa, tổng số tiền đã đầu tư: 435.067.244 đồng. Trong đó: Công ty đã chuyển tạm ứng cho đơn vị liên doanh: 410.000.000 đồng; Chi phí khảo sát, kiểm tra: 25.067.244 đồng.

+ Rừng do Công ty tự tổ chức trồng tại Xã Húc, Huyện Hướng Hóa, tổng số tiền đã đầu tư: 247.694.114 đồng. Trong đó: Công ty đã chuyển tạm ứng cho đơn vị liên doanh: 230.000.000 đồng; Chi phí khảo sát, kiểm tra: 17.694.114 đồng.

+ Hợp đồng liên kết trồng rừng tại Tiểu khu 690B Tân Hợp, Huyện Hướng Hóa giữa Công ty và Công ty Nguyên Block đang trong quá trình thực hiện, tuy nhiên diện tích đã trồng chỉ khoảng 54,7ha/102,5ha.

**5. Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2025:**

- Kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2025;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc Công ty;

- Tổ chức thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán để báo cáo Ban kiểm soát Tập đoàn, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty;

- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Tập đoàn (nếu có);

- Tham gia các lớp bồi dưởng nghiệp vụ do Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam tổ chức (nếu có);

- Đề xuất với Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024;

- Giám sát việc mua sắm thường xuyên vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025;

- Giám sát việc chi trả lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của người lao động trong năm 2025;

- Tham gia các cuộc họp do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty tổ chức;

- Thực hiện một số nội dung công việc khác theo yêu cầu của Tập đoàn; Cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

**6. Kiến nghị, đề xuất:**

- Thực hiện rà soát, sắp xếp tinh giảm bộ máy theo chủ trương chung của Tập đoàn, tăng cường công tác quản lý sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, thực hiện tiết giảm tối đa chi phí đầu vào phát sinh để tăng hiệu quả sản xuất.

- Rà soát, phân tích các khoản mục giá thành sản phẩm thực hiện năm 2024, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện làm cơ sở xây dựng và thực hiện kế hoạch năm 2025 sát thực tế, đảm bảo đạt hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục tăng cường công tác thu hồi công nợ, có biện pháp mạnh đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán, nợ khó đòi, xem xét nhờ sự can thiệp, hỗ trợ của cơ quan chức năng để thu hồi. Thực hiện trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo quy định.

- Chấn chỉnh, khắc phục tồn tại, hạn chế trong quản lý hàng tồn kho, hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập, xuất kho làm phát sinh chênh lệch, dẫn đến tình trạng làm sai lệch số liệu Báo cáo tài chính. Đề nghị Ban điều hành Công ty tiếp tục chỉ đạo Tổ xử lý chênh lệch tài sản thiếu chờ xử lý và tài sản thừa chờ giải quyết tồn tại trong năm 2023 trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét quyết định. Cụ thể:

+ Tài sản thiếu chờ xử lý: 16.634.930.694 đồng

+ Tài sản thừa chờ giải quyết: 6.354.171.074 đồng

- Đối với công tác mua sắm hàng hóa, dịch vụ: Công ty tiếp tục bám sát các quy định của Pháp luật hiện hành để thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong việc lựa chọn nhà thầu. Bám sát kế hoạch mua sắm để thực hiện. Chỉ thực hiện những hàng hóa, dịch vụ cần thiết cho hoạt động SXKD tránh mua dư khối lượng gây mất phẩm chất, ứ động vốn.

- Đề nghị Ban điều hành tiếp tục làm việc với các đơn vị tư vấn về luật để nhờ tư vấn và tham gia tranh tụng tại tòa trong vụ kiện của Công ty cổ phần Vinafarm Việt Nam liên quan đến Hợp đồng mua bán số 300/MDFQT-2023 ngày 21/11/2023, tránh gây thiệt hại cho Công ty. Đồng thời thuê đơn vị tư vấn về luật để làm các thủ tục cần thiết trước khi đưa vụ kiện Công ty TNHH Silversea new material Việt Nam ra toàn án, liên quan đến Hợp đồng mua bán hàng hóa số 715/HĐMB-2023 ngày 28/12/2023 giữa Công ty CP gỗ MDF VRG Quảng trị và Công ty TNHH Silversea new material Việt Nam với số tiền: 1.839.140.640 đồng.

- Đối với công tác xây dựng cơ bản: Bám sát các quy định hiện hành, kế hoạch XDCB năm để thực hiện, chỉ thực hiện những hạng mục có trong kế hoạch đã phê duyệt. Trường hợp đặc biệt, cấp thiết cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi triển khai thực hiện.

- Tiếp tục rà soát, theo dõi và xử lý các tồn tại liên quan đến các hợp đồng liên doanh liên kết trồng rừng nêu trên. Đối với rừng liên doanh tại Tiểu khu 690B Xã Tân Hợp - Huyện Hướng Hóa đề nghị tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để giải quyết dứt điểm việc bàn giao diện tích đất chưa đưa vào khai thác.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị về công tác kiểm tra, giám sát năm 2024 và kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2025.

T/M BAN KIỂM SOÁT

**Nơi nhận**: **TRƯỞNG BAN**

- Như trên

- HĐQT Công ty

- Lưu BKS

**Lê Chiến Sỹ**